

Số: 80/KH-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 01-NQ/TU); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại địa phương.
- Việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình chuyển đổi số.

3. Mục tiêu đến năm 2025

- a) *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động*
- Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trên 50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phân đầu đến hết năm 2021, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- Tập trung đầu tư xây dựng 3 đô thị thông minh, gồm: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

- Phân đầu có trên 700 doanh nghiệp số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

- Tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng.

4. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- 100% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 70% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

- Phần đầu có trên 3.000 doanh nghiệp số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

- Tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về an toàn, an ninh mạng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

A. Nhiệm vụ

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/TU, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung nguồn lực triển khai 37 nhiệm vụ ở 3 trụ cột chính: Xã hội số, Kinh tế số và Chính quyền số.

1. Nhiệm vụ phát triển Xã hội số (08 nhiệm vụ).

1.1. Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số - XH1.

1.2. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT đại học và sau đại học - XH2.

1.3. Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông - XH3.

1.4. Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân - XH4.

1.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - XH5.

1.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế - XH6.

1.7. Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng - XH7.

1.8. Đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn tỉnh, đặc biệt là các vùng còn khó khăn - XH8.

2. Nhiệm vụ phát triển Kinh tế số (11 nhiệm vụ)

2.1. Xây dựng và đẩy mạnh môi trường thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh - KT1.

2.2. Hoàn thiện Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình - KT2.

2.3. Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử - KT3.

2.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp - KT4.

2.5. Phát triển, phổ cập công nghệ thông tin, số hóa cho doanh nghiệp khởi nghiệp - KT5.

2.6. Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ - KT6.

2.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch - KT7.

- 2.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - KT8.
- 2.9. Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số - KT9.
- 2.10. Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông - KT10.
- 2.11. Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế - KT11.

3. Nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số (13 nhiệm vụ)

- 3.1. Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước - CQ1.
- 3.2. Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh - CQ2.
- 3.3. Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số - CQ3.
- 3.4. Số hóa hệ thống dịch vụ công - CQ4.
- 3.5. Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên - CQ5.
- 3.6. Khai thác, sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước - CQ6.
- 3.7. Xây dựng dữ liệu thống kê phân tích chuyển đổi số - CQ7.
- 3.8. Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp - CQ8.
- 3.9. Số hóa hệ thống điều hành VP Tỉnh ủy khối Đảng - CQ9.
- 3.10. Xây dựng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở các đơn vị cơ quan nhà nước - CQ10.
- 3.11. Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường - CQ11.
- 3.12. Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước - CQ12.
- 3.13. Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số - CQ13.

4. Nhiệm vụ xây dựng Hạ tầng đô thị thông minh (5 nhiệm vụ)

- 4.1. Xây dựng, triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong giao thông thông minh - HT1.
- 4.2. Tập trung xây dựng đô thị thông minh tại thành phố Thái Nguyên- HT2.
- 4.3. Tập trung xây dựng đô thị thông minh tại thành phố Sông Công- HT3.
- 4.4. Tập trung xây dựng đô thị thông minh tại thị xã Phổ Yên- HT4.
- 4.5. Kiểm soát ô nhiễm môi trường thông minh - HT5.

5. Một số lĩnh vực ưu tiên trong Chuyển đổi số

- 5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: XH6:
- 5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: XH5:
- 5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng:KT9
- 5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp: KT4
- 5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: HT1
- 5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: CQ11 và HT5.
- 5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp: KT8.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch:KT7.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

B. Giải pháp

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của Sở Thông tin và Truyền thông
- Cơ quan thường trực chuyển đổi số của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Chuyển đổi số không chỉ là công việc riêng của hệ thống chính quyền, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Chương trình chuyển đổi số để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia tham gia chuyển đổi số.

3. Ưu tiên nguồn lực tài chính và nhân lực cho chuyển đổi số

Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chỉ đạo, nghiên cứu và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Phát triển hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông có kế hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư...

- Chuyển đổi mạng Internet của tỉnh Thái Nguyên sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của tỉnh sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết

yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

5. Phát triển nền tảng số

Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách.

- Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công (*tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch*) bảo đảm đúng theo quy định hiện hành.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ được phân công (*tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch*) và quy định của pháp luật hiện hành xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với những dịch vụ, sản phẩm phục vụ chuyển đổi số.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Chủ trì triển khai các nội dung, nền tảng dùng chung, tạo lập môi trường chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.
- Chủ trì thẩm định các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi trình UBND tỉnh theo quy định.
- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh theo quy định.
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai Kế hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.
- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (PCI).

5. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến

Phụ lục: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Ban hành kèm Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Mã nhiệm vụ/ hành động	Cơ quan chủ trì & Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Sở Thông tin và Truyền thông			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
1.1	XH1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
1.2	XH1.3	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		2022-2023
	XH7	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng		
1.3	XH7.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên bắt đầu từ 2021
1.4	XH7.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng		2021-2022
	XH8	Đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn tỉnh, đặc biệt là các vùng còn khó khăn		
1.5	XH8.1	Cung cấp thiết bị truy cập mạng cho các vùng đặc biệt khó khăn	UBND các huyện, thành phố, thị xã	2023-2024
1.6	XH8.2	Cung cấp thiết bị số giá rẻ để phổ cập chuyển đổi số đến toàn tỉnh	UBND các huyện, thành phố, thị xã	2024 đến sau 2025
	KT10	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông		

1.7	KT10.1	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	Các doanh nghiệp viễn thông	2021-2024
1.8	KT10.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông		2022-2024
	CQ1	Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong CQNN		
1.9	CQ1.1	Xác định nền tảng phát triển nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên
1.10	CQ1.2	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số		Thường niên
	CQ2	Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh		
1.11	CQ2.1	Phát triển CSHT cơ bản và hệ thống hiện có	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022-2023
1.12	CQ2.2	Xây dựng nền tảng số mới phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số		2021-2023
	CQ4	Số hóa hệ thống dịch vụ công		
1.13	CQ4.2	Thử nghiệm triển khai hiệu quả dịch vụ mới	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021
1.14	CQ4.3	Tiếp tục triển khai Kế hoạch số hóa kết quả thủ tục hành chính có hiệu lực. Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu các sở, ngành, địa phương		2021 - 2025
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên		
1.15	CQ5.2	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin - truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 đến sau năm 2025

	CQ6	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước		
1.16	CQ6.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ cơ quan quản lý nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021 - 2023
1.17	CQ6.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể tỉnh		2021-2023
	CQ10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
1.18	CQ10.1	Khuyến khích truyền thông minh bạch về quá trình chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2021
1.19	CQ10.2	Xây dựng hạ tầng nền tảng chuyển đổi số		2021-2023
	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
1.20	CQ12.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
1.21	CQ12.2	Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng		Thường xuyên, bắt đầu từ 2022
1.22	CQ12.3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng		Thường xuyên, bắt đầu từ 2022
2	Báo Thái Nguyên, Đài PT-TH tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh và các đơn vị thông tin tuyên truyền			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
2.1	XH1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
2.2	XH1.2	Nâng cấp, phát triển Báo điện tử và giải pháp Tòa soạn điện tử		2022-2023
2.3	XH1.3	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		2022-2023

3	Đại học Thái Nguyên (Đại học CNTT và Truyền thông)			
	XH2	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT đại học và sau đại học		
3.1	XH2.1	Cập nhật và đổi mới giáo trình, chương trình đào tạo công nghệ số phù hợp với xu hướng	Sở KHCN, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên, bắt đầu từ năm 2021
3.2	XH2.2	Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực CNTT	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên, bắt đầu từ năm 2021
3.3	XH2.3	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, phát triển, ứng dụng Công nghệ số	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học Công nghệ, các sở, ban, ngành liên quan	Giai đoạn 2022 đến sau 2025
4	Sở Giáo dục và Đào tạo			
	XH3	Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông		
4.1	XH3.1	Giới thiệu và đào tạo các kĩ năng cần thiết trong môi trường số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên, bắt đầu từ 2021
4.2	XH3.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số		Thường niên, bắt đầu từ 2021
	XH4	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân		
4.3	XH4.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	Các cơ quan liên quan	Thường niên, bắt đầu từ năm 2023

4.4	XH4.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (có thể thực hiện theo ngành dọc)		2023-2024
	XH5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục		
4.5	XH5.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2023
4.6	XH5.2	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo		2021-2025
5	Sở Y tế			
	XH6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế		
5.1	XH6.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2023
5.2	XH6.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế		2022 đến sau 2025
6	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên			
	XH6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế		
6.1	XH6.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2023
6.2	XH6.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế		2022 đến sau 2025
7	Sở Công Thương			
	KT1	Xây dựng và đẩy mạnh môi trường TMĐT trên địa bàn tỉnh		
7.1	KT1.1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng và nền tảng thương mại điện tử	Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số; các sở,	2021-2023

7.2	KT1.2	Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng thương mại điện tử	ban, ngành liên quan	Thường niên
	KT6	Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ		
7.3	KT6.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, Các sở, ban, ngành liên quan	2023
7.4	KT6.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, Các sở, ban, ngành liên quan	2023-2024
	KT8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp		
7.5	KT8.1	Phổ cập thông tin chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
7.6	KT8.2	Phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp		2022-2024
	KT11	Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế		
7.7	KT11.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023
7.8	KT11.2	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh		2022-2023
8	Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp phát triển hạ tầng CNTT			
	KT2	Hoàn thiện Khu CNTT tập trung Yên Bình		
8.1	KT2.1	Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng Khu CNTT tập trung Yên Bình	Các sở: Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch	2021-2025

8.2	KT2.2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư thứ cấp tại Khu CNTT tập trung Yên Bình	và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình	2022-2025
9	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên			
	KT3	Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử		
9.1	KT3.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021
9.2	KT3.2	Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử		2021-2023
	KT9	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số		
9.3	KT9.1	Đẩy mạnh ứng dụng online banking	Các doanh nghiệp trong tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2022
9.4	KT9.2	Thí điểm, triển khai sử dụng mobile money	Các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT Thái Nguyên) và Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2023
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
	KT5	Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp khởi nghiệp		
10.1	KT5.1	Hỗ trợ về kiến thức và quy trình	Các cơ quan liên quan	2021-2025
10.2	KT5.2	Hỗ trợ về kinh phí và nguồn vốn		2022-2024

11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
	KT4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp		
11.1	KT4.1	Số hóa dữ liệu ngành nông nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2024
11.2	KT4.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành nông nghiệp		2021-2023
12	Sở Khoa học Công nghệ			
	KT6	Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ		
12.1	KT6.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, Các sở, ban, ngành liên quan	2023
13	Sở Văn hóa, thể thao, và du lịch			
	KT7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch		
13.1	KT7.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022
13.2	KT7.2	Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch		2023-2025
14	Ban quản lý các khu công nghiệp			
	KT8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp		
14.1	KT8.3	Xây dựng Hệ thống quản lý điều hành thông minh các Khu công nghiệp	Sở Khoa học Công nghệ, các sở, ban, ngành liên quan	2021 đến sau 2025

15	Sở Tài chính			
	KT9	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số		
15.1	KT9.3	Triển khai sử dụng hệ thống quản lý số trong ngành Tài chính, ngân hàng	Các sở, ban, ngành liên quan	2022 đến sau 2025
16	Bưu điện tỉnh Thái Nguyên			
	KT10	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông		
16.1	KT10.3	Triển khai ứng dụng mã bưu chính Vpostcode trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2024
17	Sở Nội vụ			
	CQ1	Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước		
17.1	CQ1.1	Xác định nền tảng phát triển nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thường niên
17.2	CQ1.2	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số		Thường niên
18	UBND cấp huyện, cấp xã được chọn triển khai thí điểm			
	CQ3	Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số		
18.1	CQ3.1	Đánh giá kết quả thí điểm quy mô nhỏ	Các đơn vị liên quan đến chương trình thí điểm	2021
18.2	CQ3.2	Thí điểm quy mô lớn	Các đơn vị liên quan đến chương trình thí điểm	2022

19	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh			
	CQ4	Số hóa hệ thống dịch vụ công		
19.1	CQ4.1	Phát triển và khai thác sử dụng Trung tâm điều hành thông minh; xây dựng phòng họp không giấy tờ, Tòa soạn số tại Trung tâm Thông tin, Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021- 2025
20	Thanh tra tỉnh			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên		
20.1	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nội bộ cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022-2023
21	Sở Xây dựng			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên		
21.1	CQ5.3	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu xây dựng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Quản lý xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 đến sau 2025
22	Ban dân tộc			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên		
22.1	CQ5.4	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công tác dân tộc tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022

23	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên		
23.1	CQ5.5	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý lao động và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
24	Cục thống kê			
	CQ7	Xây dựng dữ liệu thống kê phân tích chuyển đổi số		
24.1	CQ7.1	Số hóa và tối ưu hóa dữ liệu hiện tại	Các cơ quan liên quan	2021 - 2022
24.2	CQ7.2	Triển khai giải pháp thống kê chuyên ngành về tình hình kinh tế - xã hội địa phương trên môi trường số		Thường niên, bắt đầu từ năm 2021 đến 2025
25	Sở tư pháp, Tòa án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh			
	CQ8	Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp		
25.1	CQ8.1	Số hóa và áp dụng CNTT cho quản lý thông tin công	UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	2021-2023
25.2	CQ8.2	Số hóa và xây dựng, cập nhật mới hệ thống dịch vụ công ngành tư pháp; Xây dựng phần mềm đấu giá tài sản trực tuyến		2021
25.3	CQ8.3	Tổ chức, triển khai phiên tòa số, số hóa hồ sơ dự án và công bố chứng cứ hình ảnh		2021-2022
26	Văn phòng Tỉnh ủy			
	CQ9	Số hóa hệ thống điều hành các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy		

26.1	CQ9.1	Xây dựng Kiến trúc và nền tảng điều hành các cơ quan Đảng	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2021-2022
26.2	CQ9.2	Số hóa và nâng cấp hệ thống CNTT hiện tại		2022-2023
27	Sở Tài Nguyên và Môi trường			
	CQ11	Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường		
27.1	CQ11.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên - môi trường	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2021-2022
27.2	CQ11.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên - môi trường; Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên - môi trường của tỉnh		2022 đến sau năm 2025
	HT5	Kiểm soát ô nhiễm thông minh		
27.3	HT5.1	Kiểm soát quản lý tình hình hiện tại	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2023
27.4	HT5.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường tương lai		2024 đến sau 2025
28	Công an tỉnh Thái Nguyên			
	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
28.1	CQ12.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021-2022
29	Các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chuyển đổi số			
	CQ13	Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số		

29.1	CQ13.1	Thành lập Tổ công tác chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	2021
29.2	CQ13.2	Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số		
30	Sở Giao thông vận tải			
	HT1	Xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT trong giao thông thông minh		
30.1	HT1.1	Định hướng và khuyến khích phát triển giải pháp giao thông thông minh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các doanh nghiệp vận tải	2022-2023
30.2	HT1.2	Ứng dụng triển khai giao thông thông minh		2023 đến sau 2025
31	UBND Thành phố Thái Nguyên			
	HT2	Phát triển thành phố thông minh Thành phố Thái Nguyên		
31.1	HT2.1	Xác định định hướng phát triển Thành phố và các dịch vụ số trọng yếu	Các cơ quan liên quan	2021
31.2	HT2.2	Thiết kế và xác định mô hình kinh doanh và hoạt động cho các dịch vụ		2021-2022
31.3	HT2.3	Thiết lập kế hoạch thí điểm và triển khai mô hình hoạt động		2022-2024
32	UBND Thành phố Sông Công			
	HT3	Phát triển thành phố thông minh Thành phố Sông Công		
32.1	HT3.1	Xác định định hướng phát triển Thành phố và các dịch vụ số trọng yếu	Các cơ quan liên quan	2021
32.2	HT3.2	Thiết kế và xác định mô hình kinh doanh và hoạt động cho các dịch vụ		2021-2022

32.3	HT3.3	Thiết lập kế hoạch thí điểm và triển khai mô hình hoạt động		2022-2025
33	UBND Thị xã Phổ Yên			
	HT4	Phát triển thành phố thông minh Thị xã Phổ Yên		
33.2	HT4.1	Xác định định hướng phát triển thị xã và các dịch vụ số trọng yếu	Các cơ quan liên quan	2021
33.3	HT4.2	Thiết kế và xác định mô hình kinh doanh và hoạt động cho các dịch vụ		2021-2023
33.3	HT4.3	Thiết lập kế hoạch thí điểm và triển khai mô hình hoạt động		2023-2025